



BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *36 86* /BTC-TCT

Hà Nội, ngày *22* tháng *4* năm 2022

V/v thẩm định dự thảo
Nghị định

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Triển khai nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 01/07/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

Ngày 11/3/2022, Bộ Tài chính đã có công văn số 2377/BTC-TCT báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 30/03/2022, Bộ Tài chính đã có công văn số 2928/BTC-TCT báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2022/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 01/4/2022, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 2020/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Lãnh đạo Chính phủ đối với đề xuất của Bộ Tài chính tại công văn số 2377/BTC-TCT. Theo đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái có ý kiến như sau: *Đồng ý áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với việc xây dựng, ban hành các Nghị định theo đề xuất của Bộ Tài chính tại văn bản nêu trên, nhưng phải bảo đảm lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan liên quan, khẩn trương xây dựng, hoàn thiện các dự thảo Nghị định này, trình Chính phủ trước ngày 15 tháng 4 năm 2022.*

Ngày 08/4/2022, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 2222/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Lãnh đạo Chính phủ đối với đề xuất của Bộ Tài chính tại công văn số 2928/BTC-TCT. Theo đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái có ý kiến như sau: *Đồng ý áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với việc xây dựng, ban hành Nghị định sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ theo đề xuất của Bộ Tài chính tại văn bản nêu trên. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan liên*

quan, khẩn trương xây dựng, hoàn thiện các dự thảo Nghị định này, trình Chính phủ trong tháng 4 năm 2022.

Bộ Tài chính dự thảo Tờ trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Chương XII Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 63/2020/QH14).

Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp sớm có ý kiến thẩm định về dự thảo Nghị định để Bộ Tài chính kịp thời trình Chính phủ.

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ./. 

Nơi nhận:

- Như trên (10 bộ);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- VPCP;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS) 

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà

Số: 30 /TTr-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của

Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội.
(Để phục vụ Bộ Tư pháp thẩm định)

Kính gửi: Chính phủ

Chính phủ ban hành Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ để triển khai thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đã tạo cơ sở pháp lý để quản lý thuế và quản lý hóa đơn, đặc biệt là hóa đơn điện tử theo hướng hiện đại, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Trên cơ sở các Nghị định của Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành các văn bản hướng dẫn và đã chỉ đạo cơ quan thuế thực hiện thống nhất. Kết quả thu ngân sách nhà nước từ thuế, phí trong năm 2021 đạt khá đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ tài chính ngân sách nhà nước năm 2021. Hiện nay, hệ thống hóa đơn điện tử đang được triển khai tại 6 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tiến tới mở rộng áp dụng đồng bộ trong cả nước từ ngày 01/07/2022 theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP có một số điểm quy định chưa rõ, cần phải sửa đổi, bổ sung để tạo cơ sở pháp lý thống nhất, thuận lợi cho việc thực hiện của người nộp thuế và công tác kiểm tra, kiểm soát của cơ quan thuế.

Ngày 28/01/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15. Theo đó, về thuế giá trị gia tăng, giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022 đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp

dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%) trừ một số hàng hóa, dịch vụ.

Trong quá trình triển khai Nghị định số 15/2022/NĐ-CP, Bộ Tài chính nhận được một số công văn của các Cục Thuế, doanh nghiệp và một số cơ quan báo chí phản ánh vướng mắc về quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP về việc lập hóa đơn riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng.

Ngày 11/3/2022, Bộ Tài chính đã có công văn số 2377/BTC-TCT báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn và Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ngày 30/03/2022, Bộ Tài chính đã có công văn số 2928/BTC-TCT báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2022/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn và Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ngày 01/4/2022, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 2020/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Lãnh đạo Chính phủ đồng ý đề xuất của Bộ Tài chính tại công văn số 2377/BTC-TCT.

Ngày 08/4/2022, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 2222/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Lãnh đạo Chính phủ đồng ý đề xuất của Bộ Tài chính tại công văn số 2928/BTC-TCT.

Bộ Tài chính đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

Bộ Tài chính xin trình Chính phủ về dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

a) Về khai thuế thu nhập cá nhân của tổ chức, cá nhân không phát sinh việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai thuế thay và nộp thuế thay cho cá nhân theo tháng hoặc theo quý. Tuy nhiên, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP chưa quy định rõ trường hợp có chi trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế của cá nhân thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập có phải khai thuế thay hay không.

Vì vậy, cần thiết bổ sung quy định trường hợp không phát sinh khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập không phải khai thuế để rõ ràng trong thực hiện.

b) Về trách nhiệm của chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử trong việc kê khai, nộp thuế và cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý thuế

b.1) Về trách nhiệm khai thuế, nộp thuế

Tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử (TMĐT) đã đưa ra các hình thức hoạt động của sàn giao dịch TMĐT (có 4 hình thức: (a) Website cho phép người tham gia được mở các gian hàng để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ; (b) Website cho phép người tham gia được mở tài khoản để thực hiện quá trình giao kết hợp đồng với khách hàng; (c) Website có chuyên mục mua bán, trên đó cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa và dịch vụ; (d) Mạng xã hội có một trong các hình thức hoạt động quy định tại điểm a, b, c và người tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp trả phí cho việc thực hiện các hoạt động đó). Trên các Website của từng hình thức sàn giao dịch TMĐT nêu trên có hoặc không có “chức năng đặt hàng trực tuyến”¹.

Đồng thời, tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP bổ sung quy định nhằm tăng cường trách nhiệm của chủ sở hữu sàn giao dịch TMĐT, trong đó có quy định chủ sở hữu sàn giao dịch TMĐT có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam của người bán nước ngoài khi tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử.

Về việc khai thuế thay, nộp thuế thay đã được quy định khá đầy đủ tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; tuy nhiên, chưa có quy định về trách nhiệm của chủ sàn giao dịch TMĐT như quy định tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung tại Nghị định về quản lý thuế để phù hợp và đồng nhất với Nghị định số 85/2021/NĐ-CP về thương mại điện tử.

b.2) Về trách nhiệm cung cấp thông tin

Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP đã quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của tổ chức, cá nhân có liên quan. Tuy nhiên, đối với các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thương mại điện tử là chủ sở hữu sàn giao dịch TMĐT thì vẫn chưa có quy định rõ về nội dung thông tin phải cung cấp, hình thức và tần suất cung cấp thông tin.

Các thông tin do chủ sở hữu sàn giao dịch TMĐT cung cấp là quan trọng và cần thiết cho công tác quản lý thuế đối với các tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, dịch vụ thông qua sàn giao dịch TMĐT. Vì vậy, để triển khai việc yêu cầu chủ sở hữu sàn giao dịch TMĐT cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý thì cần thiết bổ sung tại Nghị định của Chính phủ quy định về nội dung thông tin phải cung cấp, hình thức và tần suất cung cấp thông tin để có sở pháp lý thực hiện thống nhất.

c) Về tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, tạm nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ

Tại điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP hiện đang quy định doanh nghiệp phải thực hiện tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

¹ Khoản 12 Điều 3 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP quy định: “Chức năng đặt hàng trực tuyến là một chức năng được cài đặt trên website thương mại điện tử hoặc trên thiết bị đầu cuối của khách hàng và kết nối với website thương mại điện tử để cho phép khách hàng khởi đầu quá trình giao kết hợp đồng theo những điều khoản được công bố trên website đó, bao gồm cả việc giao kết hợp đồng với hệ thống thông tin tự động.”

của 3 quý đầu năm tính thuế không thấp hơn 75% số thuế TNDN phải nộp cả năm theo quyết toán thuế TNDN năm. Nếu tổng số đã tạm nộp của 3 quý đầu năm thấp hơn 75% số thuế phải nộp của cả năm thì doanh nghiệp bị tính tiền chậm nộp tính trên số thuế thấp hơn 75%.

Thực hiện quy định nêu trên thì đến thời hạn tạm nộp thuế TNDN của quý 3 doanh nghiệp cần ước tính số thuế TNDN phải nộp của cả năm làm cơ sở để xác định số thuế tạm nộp của 3 quý đầu năm (thời hạn này là ngày 30 tháng 10 hằng năm đối với doanh nghiệp có năm tài chính trùng với năm dương lịch). Việc yêu cầu doanh nghiệp ước số thuế phải nộp cả năm trong khi còn 2 tháng mới kết thúc năm là chưa hợp lý về mặt thời điểm nên chưa thực sự tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi quy định tạm nộp thuế TNDN quý tại điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, đồng thời, điều chỉnh tương ứng quy định tại điểm c và điểm g khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP về tạm nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tạm nộp thuế TNDN quý của hãng vận tải nước ngoài.

Ngoài ra, tại điểm c khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định trường hợp công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của công ty mẹ vi phạm thời hạn chia cổ tức, lợi nhuận thì công ty mẹ báo cáo Bộ Tài chính và cơ quan chủ quản của công ty mẹ để xử lý theo quy định của pháp luật. Về thời hạn chia cổ tức, lợi nhuận đã được quy định tại Luật Doanh nghiệp (*Đối với Công ty cổ phần, cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, chỉ được chia lợi nhuận cho các thành viên sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả sau khi chia lợi nhuận*). Vì vậy, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Để đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật thì cần sửa đổi quy định nêu trên tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

d) Về việc nộp hồ sơ khai thuế bảo vệ môi trường đối với than khai thác và tiêu thụ nội địa

Tại điểm b khoản 4 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định đơn vị được doanh nghiệp giao thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ than có trách nhiệm khai thuế bảo vệ môi trường phát sinh đối với than thu mua của các công ty khai thác than để tiêu thụ nội địa. Với mô hình doanh nghiệp thực hiện khai thác và tiêu thụ than tập trung, điển hình như trường hợp của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam thì ngoài số than thu được từ khâu khai thác chuyển cho đơn vị có chức năng tiêu thụ, còn một số lượng than thu được từ các đơn vị có nhiệm vụ sàng tuyển, chế biến chuyển cho đơn vị có chức năng tiêu thụ để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Như vậy, việc quy định đơn vị làm nhiệm vụ tiêu thụ than thực hiện khai thuế bảo vệ môi trường đối với toàn bộ số than thu mua của

các công ty khai thác than là chưa đầy đủ, thiếu phần sản lượng than tiêu thụ nội địa thu mua từ các công ty sàng tuyển, chế biến than trong cùng Tập đoàn.

Vì vậy, cần thiết sửa đổi quy định tại điểm b khoản 4 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP để phù hợp với thực tế.

d) Về trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ

Tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế được tính theo ngày dương lịch.

Trong thực tế phát sinh trường hợp ngày cuối cùng của các thời hạn nêu trên là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ. Tuy nhiên tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP không có quy định về vấn đề này dẫn đến cơ quan thuế và người nộp thuế gặp vướng mắc trong thực hiện.

Vì vậy, cần thiết bổ sung quy định trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn cưỡng chế trùng với ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau để có cơ sở thực hiện thống nhất.

e) Về thời điểm tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân nhận cổ tức, nhận thưởng bằng chứng khoán

Tại điểm d.1 khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định tổ chức khai thuế thay và nộp thuế thay cho cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán; cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng chứng khoán. Đây là quy định mới nhằm tạo thuận lợi cho nhà đầu tư chứng khoán và đảm bảo thu thuế phát sinh kịp thời vào ngân sách nhà nước.

Triển khai quy định này, các công ty chứng khoán đã xây dựng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin để theo dõi khoản thu nhập của nhà đầu tư cá nhân để khấu trừ thuế. Việc xây dựng phần mềm của các công ty chứng khoán đến nay chưa hoàn tất, cho nên để các công ty chứng khoán chuẩn bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu kê khai, nộp thuế thay cá nhân quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thì cần thiết sửa đổi theo hướng lùi thời hạn áp dụng điểm d.1 khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

g) Sửa đổi Thông báo ngừng sử dụng hóa đơn theo Mẫu số 04-1/CC ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP

Ngừng sử dụng hóa đơn là một biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế. Tại mẫu “Thông báo ngừng sử dụng hóa đơn” (Mẫu số 04-1/CC) ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP được thiết kế cho trường hợp tại thời điểm cơ quan thuế ra quyết định cưỡng chế mà doanh nghiệp đang còn có hóa đơn tồn chưa sử dụng; chưa có quy định đối với trường hợp tại thời điểm ban hành quyết định cưỡng chế người nộp thuế đã sử dụng hết hóa đơn

hoặc đối với trường hợp người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử thì không có sổ hóa đơn tồn, gây khó khăn trong việc sử dụng mẫu thông báo số 04-1/CC.

Để bao quát hết các trường hợp thì cần thiết sửa đổi Mẫu số 04-1/CC ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

2. Về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2022. Đồng thời, tại Nghị định quy định khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin áp dụng quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử trước ngày 01/07/2022.

Tại Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP có mẫu số 01/TB-SSĐT Thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý hóa đơn điện tử đã lập có sai sót. Mẫu này được cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế để phản hồi về việc cơ quan thuế đã tiếp nhận Thông báo hóa đơn điện tử có sai sót mà người nộp thuế gửi trong cả 2 trường hợp: (i) sai sót do người nộp thuế tự phát hiện; (ii) sai sót do cơ quan thuế phát hiện và yêu cầu người nộp thuế kiểm tra. Tại Mẫu số 01/TB-SSĐT có quy định “*Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế*”.

Qua thực tiễn triển khai hóa đơn điện tử tại 6 tỉnh, thành phố trong thời gian qua, khối lượng hóa đơn sai sót mà người nộp thuế thông báo đến cơ quan thuế là khá nhiều. Đối với trường hợp sai sót do người nộp thuế tự phát hiện, việc Thủ trưởng cơ quan thuế phải thực hiện ký đích danh để phản hồi về việc cơ quan thuế đã tiếp nhận Thông báo hóa đơn điện tử có sai sót đối với từng trường hợp làm cho quá trình xử lý mất nhiều thời gian, tăng khối lượng công việc tại cơ quan thuế và chưa tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

Vì vậy cần thiết phải sửa đổi quy định về chữ ký tại Mẫu số 01/TB-SSĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

3. Về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 15/2022/NĐ-CP

Tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định cơ sở kinh doanh phải lập hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cơ sở kinh doanh không lập hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng thì không được giảm thuế giá trị gia tăng. Quy định nêu trên là thuận lợi trong việc phân loại, quản lý những hóa đơn của những hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế, tuy nhiên làm tăng thời gian của kế toán doanh nghiệp và chi phí sử dụng hóa đơn, nhất là các doanh nghiệp sử dụng nhiều hóa đơn trong ngày.

Trường hợp nếu doanh nghiệp thấy khó khăn khi tách hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế nên không lập hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế thì người tiêu dùng lại không được thụ hưởng lợi ích từ chính sách, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người tiêu dùng.

Vì vậy cần thiết phải sửa đổi quy định về lập hóa đơn tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

- Tháo gỡ vướng mắc trong việc tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp yên tâm khôi phục, phát triển sản xuất kinh doanh.

- Góp phần tiếp tục hỗ trợ, giảm bớt khó khăn cho các doanh nghiệp, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh trước tác động tiêu cực dịch Covid-19.

- Phù hợp với quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế bảo vệ môi trường; tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thuế, đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế.

- Phù hợp thẩm quyền của Chính phủ được quy định tại Luật quản lý thuế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bộ Tài chính đã dự thảo Tờ trình Chính phủ, Nghị định của Chính phủ để gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, các tổ chức liên quan.

Đồng thời, căn cứ khoản 7 Nghị quyết số 66/NQ-CP, Bộ Tài chính đã có văn bản gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến thẩm định về hồ sơ Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Trên cơ sở nội dung ý kiến tham gia của các Bộ, ngành và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh hồ sơ Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 04 Điều:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

- Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 01/TB-SSĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ

- Điều 3. Sửa đổi khoản 4 điều 1 của Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội

- Điều 4. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

2. Nội dung của dự thảo Nghị định

a) Về khai thuế thu nhập cá nhân của tổ chức, cá nhân không phát sinh việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

Bổ sung điểm e khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thì không phải nộp hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân.

(Nội dung thể hiện tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định)

b) Trách nhiệm khai thuế, nộp thuế của chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử

Bổ sung điểm k khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định về trách nhiệm của chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử khi thực hiện tiêu thụ hàng hóa thông qua đặt hàng trực tuyến trên sàn của mình, thì chủ sàn phải đại diện cho người bán là cá nhân (bao gồm cả trong nước và nước ngoài) để khai thuế, nộp thuế đối với hàng hóa, dịch vụ được bán thông qua sàn. Đối với các sàn giao dịch thương mại điện tử bán hàng không qua chức năng đặt hàng trực tuyến thì chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay cho người bán là cá nhân trên cơ sở ủy quyền theo pháp luật dân sự giữa chủ hàng và chủ sàn.

(Nội dung thể hiện tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định)

c) Về quy định tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, tạm nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ

Sửa đổi quy định tại điểm b, điểm c, điểm g khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP theo hướng tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu thì phải nộp tiền chậm nộp.

Bỏ quy định về việc vi phạm thời hạn chia cổ tức, lợi nhuận quy định tại điểm c khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

(Nội dung thể hiện tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định)

d) Về việc nộp hồ sơ khai thuế bảo vệ môi trường đối với than khai thác và tiêu thụ nội địa

Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 11 của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP theo hướng doanh nghiệp có hoạt động khai thác và tiêu thụ than nội địa thông qua hình thức quản lý và giao cho các công ty con hoặc đơn vị phụ thuộc khai thác, chế biến và tiêu thụ thì đơn vị tiêu thụ than thực hiện khai thuế cho toàn bộ số thuế bảo vệ môi trường phát sinh của than khai thác thuộc diện chịu thuế.

(Nội dung thể hiện tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định)

đ) Về trách nhiệm của chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử trong việc cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý thuế

Bổ sung khoản 8 Điều 27 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin của chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử đối

với những thông tin mà sản có thể cung cấp để phục vụ công tác quản lý. Hình thức cung cấp thông tin là tự động, trực tuyến, với tần suất là định kỳ hằng quý.

(Nội dung thể hiện tại khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị định)

e) Về trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ

Bổ sung khoản 3 Điều 42 của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn cưỡng chế trùng với ngày nghỉ thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau của ngày nghỉ đó.

(Nội dung thể hiện tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị định)

g) Về thời điểm tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân nhận cổ tức, nhận thưởng bằng chứng khoán

Bổ sung khoản 4 Điều 43 của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng chứng khoán được thực hiện kể từ ngày 01/01/2023. Từ ngày Nghị định số 126/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 05/12/2020) đến hết ngày 31/12/2022, cá nhân thực hiện khai, nộp thuế thu nhập cá nhân và không bị xử phạt vi phạm hành chính về chậm nộp hồ sơ khai thuế, không bị tính tiền chậm nộp.

(Nội dung thể hiện tại khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị định)

h) Sửa đổi Mẫu số 04-1/CC ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP

Bổ sung mục ghi chú vào Mẫu số 04-1/CC (Thông báo ngừng sử dụng hóa đơn) để lưu ý đối với trường hợp không có dữ liệu về hóa đơn thì chỉ cần ghi các nội dung: Căn cứ ra thông báo; tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp thuế bị cưỡng chế; lý do ngừng sử dụng hóa đơn.

(Nội dung thể hiện tại khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định)

i) Sửa đổi mẫu số 01/TB-SSĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020

Điều chỉnh về chữ ký số tại Mẫu số 01/TB-SSĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP theo hướng: cơ quan thuế sẽ sử dụng chữ ký số của cơ quan (cấp tự động) để phản hồi về việc cơ quan thuế đã tiếp nhận Thông báo về việc hóa đơn điện tử có sai sót của người nộp thuế đối với sai sót do người nộp thuế tự phát hiện; chỉ sử dụng chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế đối với sai sót do cơ quan thuế phát hiện.

(Nội dung thể hiện tại Điều 2 dự thảo Nghị định)

k) Sửa đổi khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 15/2022/NĐ-CP

Sửa đổi theo hướng cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ áp

dụng các mức thuế suất khác nhau thì được ghi trên cùng hóa đơn và phải ghi rõ thuế suất hoặc mức tỷ lệ % tính thuế giá trị gia tăng được giảm của từng hàng hóa, dịch vụ.

(Nội dung quy định thể hiện tại Điều 3 dự thảo Nghị định)

l) Về tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

Do đây là giải pháp cấp bách cần ban hành ngay để kịp thời hỗ trợ cho doanh nghiệp và các đối tượng chịu tác động nên Bộ Tài chính trình Chính phủ cho phép Nghị định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đồng thời, do tại Điều 42 về hiệu lực thi hành của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP chưa quy định cụ thể kỳ tính thuế áp dụng cho trường hợp tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý và khai quyết toán năm, trong khi hiệu lực thi hành của Nghị định này từ ngày 05/12/2020 (*tháng cuối cùng của năm 2020*) nên cần có quy định cụ thể thời điểm áp dụng để thực hiện thống nhất. Bộ Tài chính trình Chính phủ cho phép áp dụng quy định về tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, tạm nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định từ kỳ tính thuế năm 2021 trở đi.

Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi cho những doanh nghiệp đã thực hiện đúng quy định về tạm nộp 3 quý năm 2021 theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định không điều chỉnh lại việc tính tiền chậm nộp theo quy định tại dự thảo Nghị định.

Về việc lập hóa đơn đối với hàng hóa, cung cấp dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng, để tạo thuận lợi cho cả người bán và người mua, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định đối với những trường hợp đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này kể từ ngày Nghị định số 15/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 02 năm 2022) đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì không phải điều chỉnh lại hóa đơn và không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn.

Nội dung của Nghị định đã quy định chi tiết để các doanh nghiệp có thể áp dụng ngay. Tuy nhiên, để tránh trường hợp phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho phép giao thẩm quyền cho Bộ Tài chính hướng dẫn nếu trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc.

(Nội dung quy định thể hiện tại Điều 4 dự thảo Nghị định)

V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Các nội dung sửa đổi đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, nhằm mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thuế, đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế.

Đối với nội dung sửa đổi quy định về tạm nộp thuế TNDN quý không làm ảnh hưởng đến tổng thu NSNN vì nghĩa vụ thuế trong kỳ tính thuế được xác định khi quyết toán là không thay đổi và doanh nghiệp có trách nhiệm nộp đủ vào NSNN trong năm tiếp theo.

2. Đánh giá tác động về thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định: Tại dự thảo Nghị định không bổ sung thêm thủ tục mới, việc sửa đổi, bổ sung mẫu biểu ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP, Nghị định 123/2020/NĐ-CP, sửa đổi quy định về lập hóa đơn tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan thuế.

VI. Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

1. Ý kiến các Bộ, ngành

Ngày 14/02/2022, Bộ Tài chính có công văn số 1382/BTC-TCT xin ý kiến một số Bộ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Hiệp hội về nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP. Bộ Tài chính đã nhận được 9 ý kiến tham gia. Bộ Tài chính đã tiếp thu hoàn chỉnh hồ sơ Nghị định (*Bảng tổng hợp các ý kiến tham gia và nội dung tiếp thu, giải trình tại phụ lục kèm theo Tờ trình*).

Ngày 30/3/2022, Bộ Tài chính có công văn số 2927/BTC-TCT xin ý kiến một số Bộ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 15/2022/NĐ-CP. Bộ Tài chính đã nhận được 19 ý kiến tham gia với nội dung nhất trí với dự thảo và không có ý kiến khác.

2. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Ngày .../.../2022, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số/BCTĐ-BTP về dự thảo Nghị định.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Dự kiến nguồn lực cho việc thi hành Nghị định

Việc triển khai Nghị định thuộc trách nhiệm của cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Cơ quan Thuế là các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động (từ ngân sách Trung ương).

Đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác (ở trung ương cũng như địa phương) có nhiệm vụ tham gia với cơ quan thuế trên một số nhiệm vụ, kinh phí hoạt động của các cơ quan này được ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đảm bảo.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Đối tượng áp dụng, nội dung chính sách đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP và tại dự thảo Nghị định nên các đối tượng thuộc phạm vi áp dụng sẽ tự xác định và thực hiện đảm bảo minh bạch và thuận lợi. Bộ Tài chính không ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định.

- Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn thực hiện Nghị định: Xây dựng nội dung và thông tin bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau về các quy định của Nghị định đến cán bộ thuế, các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

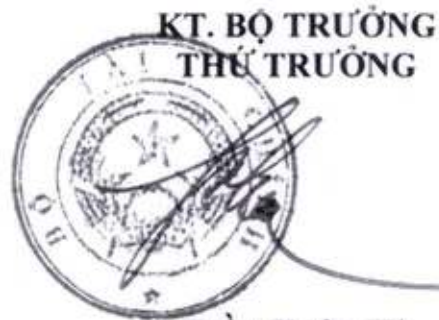
- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Bộ Tài chính sẽ chỉ đạo cơ quan Thuế bố trí cán bộ công chức hiện có để thực thi Nghị định, không phải tuyển mới cán bộ; Bên cạnh đó Bộ Tài chính chỉ đạo cơ quan Thuế bố trí nguồn kinh phí để được cấp có thẩm quyền giao trong năm 2022 để hoàn thiện cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin trình kèm: Dự thảo Nghị định, Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Nghị định số 15/2022/NĐ-CP).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS).



Trần Xuân Hà



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THAM GIA VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2020/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 123/2020/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2022/NĐ-CP

1. Các nội dung tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định đã gửi lấy ý kiến

a) Về trách nhiệm của chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử khai thuế thay, nộp thuế thay cá nhân

Tiếp thu ý kiến tham gia của Công ty TNHH Shopee về việc quy định rõ trách nhiệm của các bên trong trường hợp ủy quyền khai thuế, nộp thuế thay, điều chỉnh tiết k.2 khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau:

“k.2) Đối với hàng hóa, dịch vụ được bán không thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn thì tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay cho người bán là cá nhân (bao gồm cả trong nước và nước ngoài) trên cơ sở sự ủy quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật dân sự và người bán là cá nhân có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin cho chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử để thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.”

b) Về đối tượng biểu quyết chi trả cổ tức, lợi nhuận

Tiếp thu ý kiến tham gia của 1 độc giả gửi trên Website Bộ Tài chính về việc quy định phù hợp về đối tượng biểu quyết chi trả cổ tức, lợi nhuận thuộc là người đại diện phần vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, điều chỉnh khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau:

“Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có vốn góp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có trách nhiệm biểu quyết chi trả cổ tức, lợi nhuận khi có đủ các điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp đồng thời đề nghị, đôn đốc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nộp phần cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn góp của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.”

c) Về trách nhiệm của chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử cung cấp thông tin phục vụ quản lý thuế

Tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ Tư pháp về việc quy định rõ sàn TMĐT cung cấp thông tin theo quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế là theo quy định tại văn bản nào, điều chỉnh khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị định theo

hướng dẫn chiểu như sau:

“Tổ chức là chủ sở hữu sàn thương mại điện tử có trách nhiệm cung cấp thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch thương mại điện tử bao gồm: tên người bán hàng, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu, địa chỉ, số điện thoại liên lạc; doanh thu bán hàng thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn (nếu chủ sở hữu sàn không thực hiện khai thay, nộp thay thuế cho người bán). Việc cung cấp thông tin được thực hiện định kỳ hằng quý chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau. Tổ chức là chủ sở hữu sàn thương mại điện tử có thể cung cấp thông tin bằng phương thức điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế¹ hoặc kết nối trực tiếp với cơ quan thuế nếu đáp ứng được các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật theo định dạng chuẩn dữ liệu do Tổng cục Thuế xây dựng và công bố.”

d) Về hiệu lực thi hành của Nghị định

Tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ Tư pháp về việc ghi cụ thể ngày có hiệu lực của Nghị định và tiếp thu ý kiến của VBF để đảm bảo quyền lợi cho những doanh nghiệp đã thực hiện đúng quy định về tạm nộp 3 quý năm 2021 theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, điều chỉnh khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định như sau:

“1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng....năm 2022. Quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 1 Nghị định này được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2021.

Trường hợp người nộp thuế đã tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của kỳ tính thuế năm 2021 theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm g khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (bao gồm cả trường hợp người nộp thuế kê khai bổ sung và trường hợp qua thanh tra, kiểm tra xác định tăng hoặc giảm số thuế phải nộp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành) thì không điều chỉnh lại việc tính tiền chậm nộp theo quy định tại Nghị định này.”

2. Các nội dung giải trình

a) Về trách nhiệm của chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử khai thuế thay, nộp thuế thay cá nhân

- Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định tổ chức là chủ sở hữu

¹ Pháp luật về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế hiện nay được quy định tại Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế. Quy định theo hướng dẫn chiểu để không phải sửa đổi Nghị định khi các văn bản này được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

sàn TMĐT có chức năng đặt hàng trực tuyến thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân bán hàng hóa, dịch vụ thông qua sàn. Trường hợp sàn TMĐT không có chức năng đặt hàng trực tuyến thì chủ sở hữu sàn TMĐT khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân trên cơ sở ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự.

- Hội tư vấn thuế có ý kiến: nhiều trường hợp mặc dù sàn TMĐT có chức năng đặt hàng trực tuyến, tuy nhiên dòng tiền không hề đi qua sàn TMĐT mà có thể từ người mua đến shipper và đến thẳng người bán. Sàn TMĐT không nắm giữ dòng tiền để có thể tiến hành kê khai, nộp thuế hộ.

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau: Theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ, ngoài việc quy định sàn TMĐT có chức năng đặt hàng trực tuyến có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ thuế của người bán nước ngoài, sàn TMĐT còn có trách nhiệm lưu trữ thông tin về các giao dịch đặt hàng được thực hiện trên sàn, là đầu mối tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng. Do đó, sàn TMĐT có chức năng đặt hàng trực tuyến sẽ nắm được thông tin về dòng tiền của các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (HKD, CNKD) trên sàn và có thể thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho HKD, CNKD thông qua sàn. Vì vậy, nội dung này giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

- VCCI có ý kiến: Đề nghị ban soạn thảo làm rõ tính thống nhất của việc quy định các sàn TMĐT thực hiện khấu trừ thuế từ thu nhập kinh doanh của người bán là cá nhân trên sàn với hệ thống pháp luật hiện tại.

Hiệp hội kinh doanh thương mại điện tử có ý kiến: Quy định về trách nhiệm của sàn TMĐT thực hiện khấu trừ thuế tạo gánh nặng cho sàn và mâu thuẫn với quy định hiện hành về trách nhiệm kê khai, nộp thuế.

→ Về ý kiến của VCCI và Hiệp hội kinh doanh thương mại điện tử, BTC giải trình như sau: Quy định sàn TMĐT có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay cho HKD, CNKD thông qua sàn dựa trên các quy định của Luật Quản lý thuế và chủ trương tăng cường công tác quản lý thuế đối với hoạt động TMĐT và tăng cường tính pháp lý đối với trách nhiệm của chủ sở hữu sàn giao dịch TMĐT.

- Công ty Shopee có ý kiến: Theo quy định của Bộ Luật dân sự thì không có trường hợp nào quan hệ đại diện theo pháp luật của một cá nhân phát sinh dựa trên một quy định mang tính bắt buộc của một văn bản quy phạm pháp luật dưới luật (Luật Quản lý thuế không có quy định liên quan đến đại diện theo pháp luật của sàn TMĐT với người bán hàng là cá nhân trong việc khai thuế thay, nộp thuế thay). Do đó, dự thảo Nghị định quy định bắt buộc sàn TMĐT phải đại diện cho người bán hàng là cá nhân để khai thuế, nộp thuế thay cho cá nhân tại tiết k.1 điểm k khoản 5 Điều 7 là chưa phù hợp.

VCCI có ý kiến: Căn cứ phát sinh trách nhiệm đại diện: Trách nhiệm đại

diện được phát sinh theo căn cứ nào, có cần trình tự, thủ tục nào hay không? Phạm vi trách nhiệm đại diện: Phạm vi đại diện trong việc kê khai, nộp thuế thay của sàn TMĐT bao gồm những trách nhiệm nào, có bao gồm quyết toán, hoàn thuế hay không?

VBF và Grab đề nghị không quy định sàn TMĐT khai thuế thay, nộp thuế thay.

→ Về ý kiến của Công ty Shopee, VCCI, VBF và Grab, BTC giải trình như sau: Theo quy định tại Điều 135 Bộ Luật dân sự thì có 02 nhóm đại diện: (1) đại diện theo ủy quyền (quy định tại Điều 138); (2) đại diện theo pháp luật (quy định tại Điều 135, Điều 136). Tại khoản 1 Điều 138 Bộ Luật dân sự quy định về trường hợp đại diện theo ủy quyền như sau: *Cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự.* Do đó, trong mối quan hệ kinh tế giữa sàn TMĐT và các HKD, CNKD bán hàng hóa trên sàn thì các HKD, CNKD có thể ủy quyền cho sàn TMĐT khai thuế thay, nộp thuế thay theo quy định.

Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản lý thuế đối với hoạt động TMĐT, giảm đầu mối kê khai thuế, tạo thuận lợi cho người nộp thuế thì việc quy định sàn TMĐT thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho HKD, CNKD là cần thiết và cũng tương tự như các quy định về khai thuế, nộp thuế đối với các tổ chức khai thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và các tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay đối với một số khoản thu nhập khác.

Tại dự thảo Nghị định chỉ quy định sàn TMĐT có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân có phát sinh hoạt động kinh doanh trên sàn và không phải thực hiện quyết toán thuế, hoàn thuế thay cho cá nhân.

Vì vậy, nội dung này giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

- Công ty Shopee có ý kiến: Đối với các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh có doanh thu cả năm không đến mức chịu thuế nhưng đã bị sàn khấu trừ thuế trên mọi giao dịch thì sẽ xử lý như thế nào?

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau:

Theo quy định tại Thông tư số 40/2021/TT-BTC thì sàn TMĐT thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho HKD, CNKD có phát sinh hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ thông qua sàn TMĐT theo tháng hoặc quý. Hồ sơ khai thuế gồm Tờ khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mẫu số 01/CNKD và Phụ lục Bảng kê chi tiết hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mẫu số 01-1/BK-CNKD. Kết thúc kỳ tính thuế, sàn TMĐT không thực hiện quyết toán thuế lại với khoản nộp thay cho HKD, CNKD.

Trường hợp HKD, CNKD có nhu cầu hoàn số thuế nộp thừa (bao gồm cả trường hợp không đến mức chịu thuế nhưng sàn đã khấu trừ) thì HKD, CNKD lập hồ sơ đề nghị hoàn gửi cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 42 Thông tư số 80/2021/TT-BTC. Hồ sơ đề nghị hoàn bao gồm:

Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/DNXLNT ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC và tài liệu kèm theo là Tờ khai thuế năm theo mẫu số 01/TKN-CNKD. Cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ đề nghị hoàn nộp thừa của HKD, CNKD và đối chiếu dữ liệu chi tiết của HKD, CNKD tại bảng kê 01-1/BK-CNKD do chủ sở hữu TMĐT kê khai để thực hiện hoàn số thuế nộp thừa cho HKD, CNKD theo quy định.

- VCCI có ý kiến: Đề nghị ban soạn thảo cân nhắc, làm rõ phạm vi, cách thức thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay của sàn TMĐT để tránh việc thu thuế trùng lặp đối với cá nhân kinh doanh trên sàn TMĐT.

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau:

Hiện nay, việc khoán thuế đối với HKD, CNKD được căn cứ vào quy mô kinh doanh thực tế tại địa điểm kinh doanh. Do đó, đối với HKD, CNKD vừa kinh doanh tại địa điểm kinh doanh, vừa kinh doanh trên sàn TMĐT thì cơ quan thuế không thể nắm được phần doanh thu kinh doanh trên sàn TMĐT của HKD, CNKD. Để tăng cường công tác quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thông qua sàn TMĐT, tại dự thảo Nghị định quy định sàn TMĐT có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay cho HKD, CNKD phát sinh hoạt động bán hàng thông qua sàn TMĐT. Cơ quan thuế chỉ khoán thuế đối với phần doanh thu theo quy mô, địa điểm kinh doanh nên sẽ không phát sinh việc tính thuế trùng.

Vì vậy, nội dung này giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

- VCCI và VBF có ý kiến: Đề nghị làm rõ tiêu chí “doanh thu bán hàng thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn” để thực hiện thống nhất.

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau:

Theo các quy định hiện hành thì việc tính thuế đối với hộ HKD, CNKD được tính trực tiếp trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ thực tế phát sinh trong năm dương lịch (không bao gồm doanh thu từ những đơn hàng hoàn trả lại). Vì vậy, nội dung này giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

b) Về trách nhiệm của chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử cung cấp thông tin phục vụ quản lý thuế

- Tại khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: “...Việc cung cấp thông tin được thực hiện định kỳ hằng quý chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau. Tổ chức là chủ sở hữu sàn thương mại điện tử có thể cung cấp thông tin bằng phương thức điện tử theo quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế...”

- Bộ Tư pháp có ý kiến: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Quản lý thuế “Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế” thì tổ chức, cá nhân chỉ phải thực hiện cung cấp thông tin khi có đề nghị của cơ quan quản lý thuế mà không yêu cầu cung cấp thông tin định kỳ.

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Quản lý thuế thì cơ quan thuế có thể yêu cầu sàn TMĐT cung cấp thông tin liên quan đến người nộp thuế thực hiện cung cấp hàng hóa, dịch vụ thông qua sàn. Tuy nhiên, tại Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP chưa quy định về hình thức, tần suất cung cấp thông tin, cơ quan thuế tiếp nhận thông tin nên chưa có cơ sở để triển khai đồng bộ, thống nhất. Trên thực tế có tình trạng nhiều cơ quan thuế cùng yêu cầu sàn TMĐT cung cấp thông tin với số lượng thông tin đề nghị cung cấp lớn, gây khó khăn cho sàn TMĐT. Về vấn đề này, hiện nay các sàn TMĐT cũng có cùng quan điểm cho rằng HKD, CNKD có nhiều địa điểm kinh doanh, các cơ quan thuế địa phương nơi cá nhân có địa điểm kinh doanh có quyền yêu cầu sàn TMĐT cung cấp thông tin theo quy định của Luật Quản lý thuế. Như vậy, sẽ tạo gánh nặng cho sàn TMĐT trong việc thực hiện cung cấp thông tin theo từng lần phát sinh.

Để có cơ sở pháp lý triển khai trong thực tiễn thì cần thiết bổ sung tại Nghị định của Chính phủ quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của chủ sở hữu sàn giao dịch TMĐT đối với những thông tin mà sàn có thể cung cấp. Hình thức cung cấp thông tin là tự động, trực tuyến để cơ quan thuế có thông tin nhanh chóng, đầy đủ; đồng thời tạo thuận lợi cho chủ sở hữu sàn giao dịch TMĐT trong việc phối hợp cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý thuế.

Vì vậy, nội dung này giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

- VCCI, Công ty Shopee có ý kiến: Các thông tin của HKD, CNKD trong trường hợp HKD, CNKD khai sai hoặc thiếu các thông tin về gian hàng, MST/CMND/CCCD, phương pháp khai thuếthì sàn có phải chịu trách nhiệm đối với các thông tin mà sàn cung cấp cho cơ quan thuế không? Đề nghị ban soạn thảo bổ sung quy định rõ trách nhiệm cung cấp thông tin của sàn TMĐT đối với cơ quan thuế trong trường hợp thông tin do cá nhân cung cấp cho sàn TMĐT không chính xác.

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau: Tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP đã quy định các thông tin mà HKD, CNKD có hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ thông qua sàn TMĐT phải cung cấp các thông tin cho sàn TMĐT. Do đó, sàn TMĐT chỉ quản lý các thông tin mà HKD, CNKD đã cung cấp cho sàn và sàn có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan thuế theo quy định mà không phải chịu trách nhiệm về việc khai sai, khai thiếu các thông tin do HKD, CNKD đã cung cấp cho sàn.

- Tập đoàn Vingroup có ý kiến: Đề nghị bổ sung mẫu báo cáo để chủ sở hữu sàn TMĐT thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin.

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau: Mặc dù tại khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị định không quy định mẫu cung cấp thông tin nhưng đã quy định cụ thể các thông tin mà sàn TMĐT có trách nhiệm cung cấp. Đối với trường hợp sàn TMĐT cung cấp thông tin bằng phương thức điện tử thì tại dự thảo ND quy định Tổng cục Thuế sẽ xây dựng và công bố về định dạng chuẩn dữ liệu để sàn

TMĐT thực hiện cung cấp thông tin. Vì vậy, nội dung này giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

- VCCI, Hiệp hội kinh doanh thương mại điện tử có ý kiến: Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các biện pháp bảo mật thông tin và cơ chế xác định lỗi khi phát hiện trường hợp lộ, lọt dữ liệu do các sản phẩm TMĐT cung cấp cho cơ quan thuế.

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau: Tại Điều 18 Luật Quản lý thuế quy định cơ quan thuế có nhiệm vụ bảo mật thông tin của người nộp thuế, giải quyết khiếu nại tố cáo liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế theo thẩm quyền. Theo đó, trường hợp bị lộ, lọt dữ liệu thì xử lý theo các quy định về pháp luật liên quan.

c) Về ngày cuối cùng của thời hạn trùng với ngày nghỉ

Tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định bổ sung khoản 3 Điều 42 Nghị định 126/2020/NĐ-CP về trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó.

- Bộ Tư pháp có ý kiến: Nội dung này đưa vào bổ sung tại Điều 42 về hiệu lực thi hành là chưa phù hợp.

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau: Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế được quy định tại một số điều của Luật Quản lý thuế và tại hầu hết các điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Việc bổ sung quy định về ngày cuối cùng của các thời hạn trùng với ngày nghỉ vào tất cả các điều liên quan tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP là không khả thi. Vì vậy, cần thiết bổ sung một khoản tại Điều 42 như dự thảo Nghị định để áp dụng chung.

d) Về sửa đổi Thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn theo Mẫu số 04-1/CC

- Tại khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định sửa đổi Thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn theo Mẫu số 04-1/CC theo hướng bổ sung mục ghi chú để lưu ý đối với trường hợp không có dữ liệu về hóa đơn thì chỉ cần ghi các nội dung: Căn cứ ra thông báo; tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp thuế bị cưỡng chế; lý do ngừng sử dụng hóa đơn.

- Hội Tư vấn thuế có ý kiến: Đề nghị sửa theo hướng ghi rõ nội dung thông báo hóa đơn tồn không có giá trị sử dụng và nội dung ngừng sử dụng hóa đơn điện tử đối với NTT sử dụng HĐĐT theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thuộc đối tượng phải ngừng sử dụng.

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau: Tại điểm b, khoản 1 Điều 34

NĐ 126/2020 về ‘Cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn’ quy định: “b) Hóa đơn bị ngừng sử dụng bao gồm các loại hóa đơn: hóa đơn tự in do các tổ chức, cá nhân kinh doanh tự in; hóa đơn đặt in do các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoặc cơ quan thuế đặt in; hóa đơn điện tử do các tổ chức, cá nhân kinh doanh khởi tạo, lập theo quy định của pháp luật.”.

Như vậy, việc cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn và thông báo ngừng sử dụng hóa đơn theo Mẫu số 04-1/CC ban hành kèm theo Nghị định số 126 áp dụng đối với các loại hóa đơn theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 34 NĐ 126/2020/NĐ-CP bao gồm cả hóa đơn điện tử, và tại mẫu số 04-1/CC mới có bổ sung thêm nội dung ghi chú để phù hợp đối với trường hợp người nộp thuế bị cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đã sử dụng hết hóa đơn do xuất lẻ theo từng lần phát sinh hoặc đối với trường hợp NNT sử dụng hóa đơn điện tử vì sử dụng hóa đơn điện tử sẽ không có sổ hóa đơn tồn. Vì vậy, nội dung này giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

e) Các ý kiến đề nghị bổ sung thêm nội dung sửa đổi tại dự thảo Nghị định

e.1) Hội Tư vấn thuế đề nghị nghiên cứu bổ sung sửa đổi khai thuế, nộp thuế thay đối với khoản tiền thưởng khuyến mại, chiết khấu thanh toán nêu điểm đ khoản 5, Điều 7 NĐ 126 để phù hợp với Luật thương mại và luật thuế GTGT, vì lý do sau:

- Khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, chi hỗ trợ bằng tiền mà không gắn với điều kiện quảng cáo sản phẩm thì theo Luật thuế GTGT không thu thuế GTGT mà chỉ đưa vào thu nhập chịu thuế TNDN hoặc thuế TNCN;

- Khoản chiết khấu thương mại là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm giá cho khách hàng với số lượng lớn, khoản này không còn nằm trong doanh thu... Tại khoản 22 Điều 7 Thông tư 219 đã hướng dẫn giá tính thuế GTGT không bao gồm khoản chiết khấu thương mại dành cho khách hàng.

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau: Đối với các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền cho hộ khoán thực hiện theo nguyên tắc nếu đáp ứng điều kiện không thuộc diện chịu thuế, không phải kê khai, tính nộp thuế theo pháp luật thuế GTGT thì tổ chức trả thu nhập chỉ khấu trừ đối với thuế TNCN.

Tổng cục Thuế cũng đã có công văn số 346/TCT-DNNCN ngày 09/02/2022 gửi một số doanh nghiệp và Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn rõ về việc khai thuế thay, nộp thuế thay đối với các khoản thu nhập này của hộ khoán.

Vì vậy, BTC không tiếp thu đề bổ sung tại dự thảo Nghị định.

e.2) Hội Tư vấn thuế đề nghị bổ sung nội dung sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 8 NĐ 126 cho đối tượng không có doanh thu được kê khai thuế TNCN

theo quý

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau: Tại điểm a khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 NB 126 đã có quy định chung về việc khai thuế TNCN theo tháng hoặc quý. Đối với trường hợp các tổ chức hành chính sự nghiệp, các văn phòng đại diện, hội nghề nghiệp ... không có doanh thu thuế GTGT thì việc khai thuế theo tháng hoặc quý, Tổng cục Thuế đã có công văn số 2393/TCT-DNNCN ngày 01/7/2021 hướng dẫn rõ hơn về vấn đề này và hiện nay cũng không phát sinh vướng mắc đối với các trường hợp này. Vì vậy, BTC không tiếp thu đề bổ sung tại dự thảo Nghị định.

e.3) Hội Tư vấn thuế đề nghị sửa đổi điểm d, khoản 1, Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP theo hướng cơ quan thuế thực hiện hoàn thuế cho dự án đầu tư là cơ quan thuế tỉnh, thành phố nơi thực hiện dự án.

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau: Tại điểm b khoản 2 Điều 27 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính đã có hướng dẫn cụ thể về cơ quan thuế tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hoàn thuế đối với dự án đầu tư khác tỉnh với nơi chủ dự án đóng trụ sở là Cục Thuế nơi người nộp thuế khai thuế giá trị gia tăng của dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hoàn thuế đối với dự án đầu tư của người nộp thuế.”

Nội dung về hoàn thuế được Luật Quản lý thuế giao cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết nên không quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ mà quy định tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính nêu trên.

Vì vậy, BTC không tiếp thu đề bổ sung tại dự thảo Nghị định.

e.4) Hội Tư vấn thuế đề nghị bổ sung quy định trường hợp *tạm phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyển nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính nếu có sai lệch so với quyết toán ở một tỷ lệ nhất định thì phải phân bổ lại.*

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau: Theo phạm vi giao của Luật Quản lý thuế thì nội dung phân bổ thuế sẽ quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính mà quy định tại Nghị định của Chính phủ.

Hiện nay, quy định tại Điều 12 và Điều 17 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính đã đảm bảo việc thực hiện xác định số phải nộp, số tạm nộp theo quý theo từng địa bàn phân bổ, cụ thể:

“3. Người nộp thuế có trách nhiệm khai thuế và phân bổ nghĩa vụ thuế đầy đủ, chính xác, kịp thời theo đúng quy định. Việc phân bổ số thuế phải nộp cho các tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước phải đảm bảo không được lớn hơn số tiền thuế phải nộp trên hồ sơ khai thuế của người nộp thuế. Trường hợp người nộp thuế không phát sinh số thuế phải nộp thì không phải xác

định số thuế phải nộp cho các tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 13 và điểm b khoản 2 Điều 17 Thông tư này không thực hiện nguyên tắc phân bổ theo khoản này.

4. Người nộp thuế căn cứ vào số thuế phải nộp theo từng tình huống nguồn thu phân bổ để lập chứng từ nộp tiền và nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định. Kho bạc Nhà nước nơi tiếp nhận chứng từ nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế hạch toán khoản thu cho từng địa bàn nhận khoản thu phân bổ."

Theo quy định này thì số thuế tạm nộp theo quý và số thuế TNDN phải nộp được phân bổ được bù trừ theo từng cơ quan thuế và từng địa bàn cấp tỉnh tương ứng.

Vì vậy, BTC không tiếp thu đề bổ sung tại dự thảo Nghị định.

e.5) Tập đoàn Vingroup đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 11 Nghị định 126/2020/NĐ-CP (bổ sung phần chữ in đậm gạch chân) thành như sau:

"Điều 11. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế

Người nộp thuế thực hiện các quy định về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 45 Luật Quản lý thuế và các quy định sau đây:

1. *Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với người nộp thuế có nhiều hoạt động, kinh doanh trên nhiều địa bàn cấp tỉnh theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế là cơ quan thuế nơi có hoạt động kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính đối với các trường hợp sau đây:*

b) Khai thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng (bao gồm cả trường hợp có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ) tại nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng có thành lập đơn vị phụ thuộc, trực tiếp bán hàng, sử dụng hoá đơn do đơn vị phụ thuộc đăng ký hoặc do người nộp thuế đăng ký với cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc, theo dõi hạch toán đầy đủ thuế giá trị gia tăng đầu ra, đầu vào.

Các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng không thuộc trường hợp trên kê khai thuế theo quy định tại Mục 1b, Điều 13, Nghị định này."

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau:

- Tại khoản 3 Điều 42 Luật quản lý thuế quy định về nguyên tắc khai thuế, tính thuế: "3. Người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế tại cơ quan thuế địa phương có thẩm quyền nơi có trụ sở. Trường hợp người nộp thuế hạch toán tập trung tại trụ sở chính, có đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính thì người nộp thuế khai thuế tại trụ sở chính và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng

nguồn thu ngân sách nhà nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.

- Tại khoản 4 Điều 45 Luật quản lý thuế quy định về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế: “4. Chính phủ quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với các trường hợp sau đây:

a) Người nộp thuế có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh”.

Trên cơ sở nội dung Luật Quản lý thuế giao nêu trên, tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế theo Khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế và tại điểm b khoản 1 Điều 13 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính quy định về phân bổ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS như sau:

- Điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định:

“1. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với người nộp thuế có nhiều hoạt động, kinh doanh trên nhiều địa bàn cấp tỉnh theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế là cơ quan thuế nơi có hoạt động kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính đối với các trường hợp sau đây:

...b) Khai thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng (bao gồm cả trường hợp có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ) **tại nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản.**”

- Tại điểm b khoản 1 Điều 13 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khai thuế, tính thuế, phân bổ và nộp thuế giá trị gia tăng. “b) Hoạt động chuyển nhượng bất động sản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.”

Như vậy, đối với trường hợp chuyển nhượng bất động sản của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng (bao gồm cả trường hợp có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định 126/2020/NĐ-CP sẽ thực hiện khai thuế riêng theo tờ khai mẫu số 01/GTGT và nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Các trường hợp chuyển nhượng bất động sản không có dự án sẽ khai thuế theo mẫu số 05/GTGT và nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Như vậy, quy định hiện hành nêu trên đã bao quát đầy đủ các trường hợp như nội dung đề xuất của Vingroup. Vì vậy, BTC không tiếp thu đề bổ sung tại dự thảo Nghị định.

e.6) Tập đoàn Vingroup đề xuất sửa đổi quy định về (i) tạm nộp thuế TNDN theo quý khi thu tiền theo tiến độ và (ii) phân bổ thuế TNDN theo quý đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS của các dự án đầu tư khác tỉnh, thành

phổ nơi có trụ sở chính theo hướng: Trường hợp đã bàn giao cơ sở hạ tầng, nhà và đã tính vào doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm thì người nộp thuế giảm trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ hàng quý và quyết toán phải nộp cho từng tỉnh nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

→ Về ý kiến này, BTC giải trình như sau: Quy định về cách xác định số thuế TNDN phải nộp để phân bổ cho từng địa bàn cấp tỉnh được Luật Quản lý thuế giao cho Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết. Vì vậy, tại Điều 17 Thông tư số 80/2021/TT-BTC quy định về phân bổ số thuế cho hoạt động chuyển nhượng BĐS, bao gồm cả trường hợp thu tiền theo tiến độ mà không quy định nội dung này tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Điều 17 Thông tư số 80/2021/TT-BTC có quy định: khi quyết toán, doanh nghiệp phải tổng hợp toàn bộ số thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS và hoạt động thu tiền theo tiến độ trong kỳ (bao gồm đã bàn giao và chưa bàn giao) theo từng tỉnh để kê khai phụ lục phân bổ mẫu số 03-8A. Số thuế đã tạm nộp vào NSNN đối với hoạt động thu tiền theo tiến độ của từng tỉnh được bù trừ với số phải nộp của hoạt động này khi quyết toán theo từng tỉnh tương ứng.

Vì vậy, BTC không tiếp thu đề bổ sung tại dự thảo Nghị định.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO LẦN 2

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của

Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

1. Bổ sung điểm e khoản 3 Điều 7 như sau:

“e) Người khai thuế thu nhập cá nhân là tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc trường hợp khai thuế thu nhập cá nhân theo tháng, quý mà trong tháng, quý đó không phát sinh việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của đối tượng nhận thu nhập.”

2. Bổ sung điểm k khoản 5 Điều 7 như sau:

“k) Tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân (bao gồm cả trong nước và nước ngoài) có phát sinh bán hàng hóa, dịch vụ thông qua sàn như sau:

k.1) Đối với hàng hóa, dịch vụ được bán thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn thì tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử có trách nhiệm đại diện cho người bán là cá nhân (bao gồm cả trong nước và nước ngoài) để khai thuế, nộp thuế thay cho cá nhân.

k.2) Đối với hàng hóa, dịch vụ được bán không thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn thì tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay cho người bán là cá nhân (bao gồm cả trong nước và nước ngoài) trên cơ sở sự ủy quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật dân sự và người bán là cá nhân có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin cho chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử để thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.”

3. Điểm b khoản 6 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng vốn của nhà thầu nước ngoài; thuế thu nhập doanh nghiệp kê khai theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu theo từng lần phát sinh hoặc theo tháng theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này). Người nộp thuế phải tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyển nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính) và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.

Người nộp thuế thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào báo cáo tài chính quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.

Người nộp thuế không thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.

Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

Người nộp thuế có thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê mua, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ phù hợp với quy định của pháp luật thì thực hiện tạm nộp thuế thu nhập doanh

nghiệp theo quý theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu được. Trường hợp chưa bàn giao cơ sở hạ tầng, nhà và chưa tính vào doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm thì người nộp thuế không tổng hợp vào hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm mà tổng hợp vào hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp khi bàn giao bất động sản đối với từng phần hoặc toàn bộ dự án”.

4. Điểm c khoản 6 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Cụ thể như sau:

Người nộp thuế phải tự xác định số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ tạm nộp quý chậm nhất vào ngày 30 của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ nộp và được trừ số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán năm.

Tổng số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

Đối với số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp tăng thêm khi thực hiện khai bổ sung do điều chỉnh kết quả xếp loại doanh nghiệp theo công bố của chủ sở hữu từ thời điểm ngày tiếp sau ngày cuối cùng của hạn nộp lợi nhuận sau thuế còn lại theo quyết toán năm đến thời hạn công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp của chủ sở hữu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền thì doanh nghiệp không phải nộp tiền chậm nộp.

Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có vốn góp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có trách nhiệm biểu quyết chi trả cổ tức, lợi nhuận khi có đủ các điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp đồng thời đề nghị, đơn đốc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nộp phần cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn góp của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.”

5. Điểm g khoản 6 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“g) Thuế thu nhập doanh nghiệp của hãng vận tải nước ngoài tạm nộp quý và khai quyết toán năm. Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.”

6. Điểm b khoản 4 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Đối với than khai thác và tiêu thụ nội địa:

Doanh nghiệp có hoạt động khai thác và tiêu thụ than nội địa thông qua hình thức quản lý và giao cho các công ty con hoặc đơn vị phụ thuộc khai thác, chế biến và tiêu thụ thì đơn vị thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ than thực hiện khai thuế cho toàn bộ số thuế bảo vệ môi trường phát sinh đối với than khai thác thuộc diện chịu thuế và nộp hồ sơ khai thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp kèm theo Bảng xác định số thuế phải nộp cho từng địa phương nơi có công ty khai thác than đóng trụ sở theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”

7. Bổ sung khoản 8 Điều 27 như sau:

“8. Tổ chức là chủ sở hữu sản phẩm thương mại điện tử có trách nhiệm cung cấp thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sản phẩm thương mại điện tử bao gồm: tên người bán hàng, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu, địa chỉ, số điện thoại liên lạc; doanh thu bán hàng thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sản phẩm (nếu chủ sở hữu sản phẩm không thực hiện khai thay, nộp thay thuế cho người bán). Việc cung cấp thông tin được thực hiện định kỳ hằng quý chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau. Tổ chức là chủ sở hữu sản phẩm thương mại điện tử có thể cung cấp thông tin bằng phương thức điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế hoặc kết nối trực tiếp với cơ quan thuế nếu đáp ứng được các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật theo định dạng chuẩn dữ liệu do Tổng cục Thuế xây dựng và công bố.”

8. Bổ sung khoản 3 Điều 42 như sau:

“3. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó.”

9. Bổ sung khoản 4 Điều 43 như sau:

“4. Quy định tại điểm d.1 khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. Trường hợp cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng chứng khoán được ghi nhận vào tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư từ ngày 31 tháng 12 năm 2022 trở về trước và chưa được các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký, công ty quản lý quỹ nơi cá nhân ủy thác danh mục đầu tư, tổ chức phát hành chứng khoán khai thuế thay, nộp thuế thay thì cá nhân thực hiện khai, nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật thuế Thu nhập cá nhân và không bị xử phạt vi phạm hành chính về chậm nộp hồ sơ khai thuế, không bị tính tiền chậm nộp (nếu có) theo

quy định tại khoản 11 Điều 16 Luật Quản lý thuế từ ngày 05 tháng 12 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.”

10. Ban hành kèm theo Nghị định này Thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn theo Mẫu số 04-1/CC thay thế Mẫu số 04-1/CC tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 01/TB-SSĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ

Ban hành kèm theo Nghị định này Thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc hóa đơn điện tử đã lập có sai sót theo Mẫu số 01/TB-HĐSS thay thế Mẫu số 01/TB-SSĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Điều 3. Sửa đổi khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội

“4. Trường hợp cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ áp dụng các mức thuế suất khác nhau thì trên hóa đơn phải ghi rõ thuế suất hoặc mức tỷ lệ % tính thuế GTGT được giảm của từng hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều này.”

Điều 4. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng....năm 2022. Quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 1 Nghị định này được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2021.

Trường hợp người nộp thuế đã tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của kỳ tính thuế năm 2021 theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm g khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (bao gồm cả trường hợp người nộp thuế kê khai bổ sung và trường hợp qua thanh tra, kiểm tra xác định tăng hoặc giảm số thuế phải nộp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành) thì không điều chỉnh lại việc tính tiền chậm nộp theo quy định tại Nghị định này.

2. Trường hợp từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở kinh doanh đã thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định này thì không phải điều chỉnh lại hóa đơn và không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn.

3. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai và xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc ngừng sử dụng hóa đơn

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;

Căn cứ Điều 34 Nghị định số ...ngày ...tháng...năm.... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-CT/CCT ngày của Cục Thuế/Chi cục Thuế..... về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn;

...(Tên cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế)... thông báo ngừng sử dụng hóa đơn đối với(Tên người nộp thuế)...

Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở kinh doanh:

Lý do thông báo ngừng sử dụng hóa đơn: ...

Căn cứ dữ liệu theo dõi tại cơ quan thuế hoặc dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền khác (nếu có), số hóa đơn tồn đến ngày ban hành quyết định cưỡng chế gồm:

STT	Loại hóa đơn	Ký hiệu mẫu	Ký hiệu Hóa đơn	Từ số	Đến số	Ghi chú

Nếu sử dụng số hóa đơn nêu trên kể từ ngày quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành (ngày ... tháng.... năm....) thì được coi là sử dụng hóa đơn không hợp pháp./.

Nơi nhận:

- ... (Tên người nộp thuế)... (để thực hiện);
- Cơ quan hải quan (nếu có);
- Phòng/Đội (để thực hiện);
- Trang thông tin điện tử Tổng cục Thuế;
- Trang thông tin điện tử Cục Thuế;
-;
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Trường hợp không có dữ liệu về hóa đơn thì tại thông báo ngừng sử dụng hóa đơn chỉ cần ghi các nội dung: Căn cứ ra thông báo; tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp thuế bị cưỡng chế; lý do ngừng sử dụng hóa đơn.

Mẫu số: 01/TB-HĐSS

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày tháng năm

Số: .../TB-.....

THÔNG BÁO

Về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc hóa đơn điện tử đã lập có sai sót

Kính gửi: (Họ tên người nộp thuế:....)
(Mã số thuế của NNT:....)

Sau khi xem xét Thông báo hóa đơn điện tử có sai sót ngày/...../..... của:

Người nộp thuế.....

Mã số thuế:

Cơ quan thuế thông báo (tiếp nhận/không tiếp nhận) hóa đơn điện tử đã lập có sai sót.

(Trong trường hợp tiếp nhận việc hủy/điều chỉnh/thay thế giải trình hóa đơn điện tử đã lập có sai sót thì ghi: Cơ quan Thuế đã tiếp nhận Thông báo hóa đơn điện tử có sai sót ngày/...../..... của quý công ty).

(Trong trường hợp không tiếp nhận việc hủy/điều chỉnh/thay thế giải trình hóa đơn điện tử đã lập có sai sót thì ghi: Đề nghị quý công ty kiểm tra, đối chiếu hóa đơn điện tử đã lập có sai sót do thông tin chưa chính xác).

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

CƠ QUAN THUẾ hoặc THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Chữ ký số)

Ghi chú:

- Trường hợp CQT tiếp nhận Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP do NNT gửi đến theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì "Chữ ký số" là chữ ký số của cơ quan thuế.

- Trường hợp CQT tiếp nhận Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP do NNT gửi đến theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì "Chữ ký số" là chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế.

Số: 2222/VPCP-KTTH

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2022

V/v xây dựng Nghị định của

Chính phủ theo trình tự, thủ tục

TỔNG CỤC THUẾ rút gọn	
ĐẾN	Số: 13763
Ngày: 13/4	
Chuyển: DL	15/4
Số và ký hiệu HS:	CS(00)

Kính gửi: Bộ Tài chính.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 27138
Ngày:	12-04-2022
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Xét đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 2928/BTC-TCT ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc xây dựng Nghị định của Chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái có ý kiến như sau:

Đồng ý áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với việc xây dựng, ban hành Nghị định sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ theo đề xuất của Bộ Tài chính tại văn bản nêu trên. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan liên quan, khẩn trương xây dựng, hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình Chính phủ trong tháng 4 năm 2022.

Văn phòng Chính phủ thông báo để Bộ Tài chính biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Lê Minh Khái (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân, Trợ lý TTgCP, các Vụ: PL, TH;
- Lưu: VT, KTTH (2)Trang.

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM



Mai Thị Thu Vân

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2020/VPCP-KTTH

V/v xây dựng Nghị định của
Chính phủ theo trình tự, thủ tục
rút gọn

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2022

TỔNG CỤC THUẾ	
ĐẾN	Số: 12604
	Ngày: 05/4
Chuyển	CSG
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Xét đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 2377/BTC-TCT ngày 11 tháng 3 năm 2022 và ý kiến của Bộ Tư pháp tại công văn số 891/BTP-PLDSKT ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc xây dựng Nghị định của Chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái có ý kiến như sau:

Đồng ý áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với việc xây dựng, ban hành các Nghị định theo đề xuất của Bộ Tài chính tại văn bản nêu trên, nhưng phải bảo đảm lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan liên quan, khẩn trương xây dựng, hoàn thiện các dự thảo Nghị định này, trình Chính phủ trước ngày 15 tháng 4 năm 2022.

Văn phòng Chính phủ thông báo để Bộ Tài chính biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Lê Minh Khái (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân, Trợ lý TTgCP, các Vụ: PL, TH;
- Lưu: VT, KTTH (2)Trang.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Mai Thị Thu Vân

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~2377~~ /BTC-TCT

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2022

V/v xây dựng Nghị định của Chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 01/07/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, Bộ Tài chính đã xây dựng 03 dự thảo Nghị định. Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

1. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Ngày 14/02/2022, Bộ Tài chính có công văn số 1382/BTC-TCT gửi một số Bộ và hiệp hội có liên quan để lấy ý kiến về dự thảo Nghị định; đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Tài chính. Tại dự thảo Nghị định có nội dung nổi bật và cấp bách nhằm tạo thuận lợi hơn cho người nộp thuế như: sửa đổi quy định về tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, tạm nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ để kịp thời hạn quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 (đối với đa số doanh nghiệp áp dụng kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo năm dương lịch thì thời hạn nộp quyết toán thuế năm 2021 chậm nhất là ngày 31/03/2022); sửa đổi về mẫu biểu triển khai hóa đơn điện tử làm cơ sở triển khai có hiệu quả giai đoạn 2, tiến tới áp dụng toàn quốc từ ngày 01/07/2022 theo quy định của Luật Quản lý thuế.

2. Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022 và Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.

Ngày 30/01/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình, theo đó tại tiết b điểm 3 mục II Nghị quyết số 11/NQ-CP có nêu: "Gia

hạn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và tiền thuê đất trong năm 2022.”

Tại tiết g điểm 3 mục IV Nghị quyết số 11/NQ-CP có giao Bộ Tài chính:

“g) Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15; quy định về giảm tiền thuê đất, gia hạn thời gian nộp các khoản thuế, tiền thuê đất theo nội dung tại tiết a và tiết b điểm 3 mục II Nghị quyết này.”

Tại tiết d điểm 1 mục I Nghị quyết số 11/NQ-CP có nêu:

“d) Chính sách, giải pháp hỗ trợ phải khả thi, triển khai ngay, kịp thời, hiệu quả, thời gian thực hiện chủ yếu trong 2 năm 2022 và 2023 với lộ trình thích hợp để nâng cao năng lực phòng, chống dịch COVID-19, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; nguồn lực đưa ra có khả năng giải ngân, hấp thụ nhanh; trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn.”

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế đã được Chính phủ ban hành trong năm 2020 và năm 2021, hiện nay Bộ Tài chính đang khẩn trương hoàn thiện dự thảo 02 Nghị định về gia hạn nộp thuế. Đối với 2 dự thảo Nghị định gia hạn thì cần thiết được ban hành ngay để có khoảng thời gian người nộp thuế được gia hạn trong năm 2022, đảm bảo phù hợp với thẩm quyền được giao của Chính phủ theo quy định tại Điều 63 Luật Quản lý thuế¹.

3. Từ các lý do nêu trên, căn cứ khoản 45 và khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật², đề

¹ “Điều 63. Gia hạn nộp thuế trong trường hợp đặc biệt

Chính phủ quyết định việc gia hạn nộp thuế cho các đối tượng, ngành, nghề kinh doanh gặp khó khăn đặc biệt trong từng thời kỳ nhất định. Việc gia hạn nộp thuế không dẫn đến điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định.”

² Tại khoản 44 và khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

44. Sửa đổi, bổ sung Điều 146 như sau:

“Điều 146. Các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn

45. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 147 như sau:

dảm bảo đồng bộ pháp luật và giải quyết những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành 03 Nghị định sau theo trình tự, thủ tục rút gọn và các Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký:

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ;

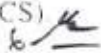
Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022;

Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.

Bộ Tài chính xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo để Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khai (để báo cáo);
- Văn phòng Chính Phủ (để phối hợp);
- Vụ Pháp chế - BTC;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS)



BỘ TRƯỞNG



Hồ Đức Phớc

“3. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với thông tư của Bộ trưởng. Thủ tướng cơ quan ngang bộ ban hành trong trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn quy định tại khoản 1 Điều 146 của Luật này.

Văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với thông tư của Bộ trưởng. Thủ tướng cơ quan ngang bộ quy định tại khoản này phải kèm theo ý kiến bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.”

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2928** /BTC-TCT

Hà Nội, ngày **30** tháng 03 năm 2022

V/v xây dựng Nghị định của Chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai thực hiện Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội và ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại văn bản số 396/VPCP-KTTH ngày 17/01/2022 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 nêu trên. Theo đó, về thuế giá trị gia tăng, giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022 đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%) trừ một số hàng hóa, dịch vụ.

Trong quá trình triển khai Nghị định số 15/2022/NĐ-CP, Bộ Tài chính nhận được một số công văn của các Cục Thuế, doanh nghiệp và một số cơ quan báo chí phản ánh vướng mắc về quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP về việc lập hóa đơn riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT.

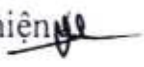
Ngày 22/02/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 1129/VPCP-KTTH, theo đó Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái có ý kiến như sau: *"Giao Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền khẩn trương xem xét các kiến nghị, phản ánh vướng mắc của Hiệp hội, doanh nghiệp, người dân nêu trên để có hướng dẫn, giải thích kịp thời, bảo đảm việc thực hiện Nghị định số 15/2022/NĐ-CP được thông suốt, phát huy hiệu quả chính sách Nhà nước trong triển khai Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội."*

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng, đối với các vướng mắc theo thẩm quyền của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính đã có công văn hướng dẫn về xác định hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế và về thời điểm lập hóa đơn, thời điểm xác định thuế GTGT.

Riêng vướng mắc về việc lập hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế được quy định cụ thể tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP nên vượt

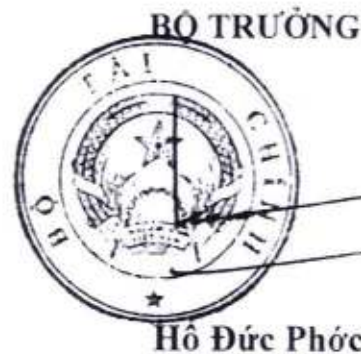
thẩm quyền của Bộ Tài chính. Để giải quyết vướng mắc nêu trên, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP theo thủ tục, trình tự rút gọn.

Căn cứ khoản 45 và khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để đảm bảo đồng bộ pháp luật và giải quyết những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành Nghị định sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn và Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ Tài chính xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo để Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Văn phòng Chính Phủ (để phối hợp);
- Vụ Pháp chế - BTC;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS). 



Số: *1382* /BTC-TCT
V/v xin ý kiến dự thảo
Nghị định.

Hà Nội, ngày *14* tháng *02* năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ: Công Thương, Ngoại giao, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam;
- Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 6 năm 2021, Bộ Tài chính đã rà soát nội dung quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020;

Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Để có cơ sở trình Chính phủ, Bộ Tài chính kính đề nghị quý cơ quan, đơn vị nghiên cứu, có ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (*hồ sơ tài liệu gửi kèm theo*).

Ý kiến tham gia xin gửi bằng văn bản về Bộ Tài chính (*Tổng cục Thuế: 123 Lò Đúc, Hai Bà Trưng, Hà Nội*) và qua địa chỉ email: pthong@gdt.gov.vn trước ngày *22/02/2022*.

Bộ Tài chính trân trọng sự phối hợp công tác của quý cơ quan, đơn vị. /.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đ/v: CST, PC, NSNN, TCDN, UBCKNN;
- Tổng cục Hải quan (để tgyk);
- Lưu: VT, TCT (VT, CS (03)).


9

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà

421

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~2927~~/BTC-TCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

V/v xin ý kiến về dự thảo
Nghị định sửa đổi Nghị định
số 15/2022/NĐ-CP.

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Ngày 28/01/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15. Theo đó, về thuế giá trị gia tăng, giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022 đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%) trừ một số hàng hóa, dịch vụ.

Trong quá trình triển khai Nghị định số 15/2022/NĐ-CP, Bộ Tài chính nhận được một số công văn của các Cục Thuế, doanh nghiệp và một số cơ quan báo chí phản ánh vướng mắc về quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP về việc lập hóa đơn riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT.

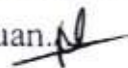
Ngày 22/02/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 1129/VPCP-KTTH, theo đó Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái có ý kiến như sau: *"Giao Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền khẩn trương xem xét các kiến nghị, phản ánh vướng mắc của Hiệp hội, doanh nghiệp, người dân nêu trên để có hướng dẫn, giải thích kịp thời, bảo đảm việc thực hiện Nghị định số 15/2022/NĐ-CP được thông suốt, phát huy hiệu quả chính sách Nhà nước trong triển khai Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội."*

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng và căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính dự thảo trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP theo thủ tục, trình tự rút gọn

Bộ Tài chính đề nghị quý cơ quan có ý kiến tham gia vào hồ sơ dự thảo Nghị định (gửi kèm theo). Ý kiến tham gia xin được gửi về Bộ Tài chính (Tổng

15N

cục Thuế) trước ngày ...06.../4/2022 đồng thời gửi vào địa chỉ email: tpthao@gdt.gov.vn, điện thoại liên hệ đ/c Trương Phương Thảo: 0912.466.462.

Trân trọng sự phối hợp công tác của quý cơ quan. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- CTTĐT BTC (để đăng xin ý kiến);
- Vụ PC, Vụ CST;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS). 

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 632/BTP- PLDSKT

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022

TỔNG CỤC THUẾ	
ĐẾN	Số: 8042
	Ngày: 8/3
Chuyên:	CS (08)
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 16749
Ngày:	08-03-2022
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Trả lời Công văn số 1382/BTC-CST ngày 14/02/2022 của Bộ Tài chính xin ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định), Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành văn bản

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ. Tuy nhiên, trong thời gian qua phát sinh, vướng mắc liên quan đến khai thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường đối với than khai thác và tiêu thụ nội địa; kê khai thay, nộp thuế thay và cung cấp thông tin của sản giao dịch điện tử; tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và một số thủ tục hành chính liên quan đến thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế, thời hạn giải quyết hồ sơ của cơ quan thuế; khai thay, nộp thuế thay của các công ty chứng khoán... Vì vậy, việc Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ là cần thiết. Tuy nhiên, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ban hành và áp dụng trong thực tiễn được hơn một năm đã phải sửa đổi, bổ sung. Điều đó cho thấy chất lượng xây dựng hai nghị định này không cao. Việc sửa đổi, bổ sung liên tục như vậy sẽ làm cho hệ thống pháp luật không ổn định, gây khó khăn cho việc thi hành. Thời gian áp dụng một năm chưa đủ để tổng kết đánh giá. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị cân nhắc thật kỹ việc sửa đổi, bổ sung hai Nghị định này.

10/c + Công 9/3

2. Về nội dung của dự thảo văn bản

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Nghị định với quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản có liên quan để đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tính khả thi của văn bản; trong đó, đề nghị lưu ý một số vấn đề sau:

2.1. Khoản 7 Điều 1 bổ sung khoản 8 Điều 27 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định: *“Tổ chức là chủ sở hữu sàn thương mại điện tử có trách nhiệm cung cấp thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch thương mại điện tử bao gồm: tên người bán... Việc cung cấp thông tin được thực hiện hạn quý chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau”*. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 29 Luật Quản lý thuế quy định tổ chức, cá nhân *“Cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế”*. Bộ Tư pháp cho rằng, theo quy định nêu trên thì tổ chức, cá nhân chỉ phải thực hiện cung cấp thông tin khi có đề nghị của cơ quan quản lý thuế mà không yêu cầu cung cấp thông tin định kỳ.

Bên cạnh đó, khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung khoản 8 Điều 27 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định *“Tổ chức là chủ sở hữu sàn thương mại điện tử có thể cung cấp thông tin bằng phương thức điện tử theo quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế...”*. Đề nghị quy định rõ theo quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế là theo quy định tại văn bản nào.

2.2. Khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung khoản 3 Điều 42 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định *“Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn cưỡng chế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó”*. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cho rằng, nội dung nêu trên đưa vào bổ sung tại Điều 42 về hiệu lực thi hành là không phù hợp. Đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa quy định này cho phù hợp.

2.3. Khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020) quy định *“Ngày có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định cụ thể ngay trong văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 151 và Điều 152 của Luật. Cơ quan chủ trì soạn thảo phải dự kiến cụ thể ngày có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở bảo đảm đủ thời gian để các cơ quan, tổ chức, cá nhân*

có điều kiện tiếp cận văn bản, các đối tượng thi hành có điều kiện chuẩn bị thi hành văn bản". Vì vậy, đề nghị quy định cụ thể ngày có hiệu lực của nghị định.

3. Về trình tự, thủ tục, kỹ thuật soạn thảo văn bản

3.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, thực hiện theo đúng quy định tại Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Chương V (quy định thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020).

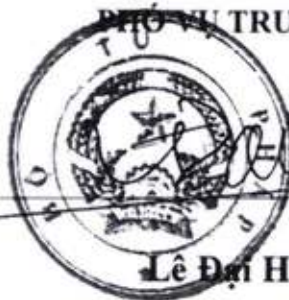
3.2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động của văn bản, xử lý toàn diện các vướng mắc, bất cập phát sinh trọng thời gian qua; tuân thủ đúng trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị định theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ, xin gửi Bộ Tài chính tham khảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Phan Chí Hiếu (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT
(PLKTTH, Thảo).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ- KINH TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Lê Đại Hải

BỘ NGOẠI GIAO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **686** /BNG-LPQT

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày **02** tháng 3 năm 2022

TỔNG CỤC THUẾ	
ĐẾN	Số: 7572
	Ngày: 3/3
Chuyển:	813
Số và ký hiệu HS:	CS100

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 16260
Ngày:	04-03-2022
Chuyên:	TCT
Số và ký hiệu HS:	

Phúc Công văn số 1382/BTC-TCT ngày 14/02/2019 của Quý Bộ đề nghị góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

- Bộ Ngoại giao nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị định nhằm khắc phục những vướng mắc, bất cập của các Nghị định hiện hành, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, thuận lợi cho việc thực hiện của người nộp thuế và công tác kiểm tra, kiểm soát của cơ quan thuế.

- Về dự thảo Tờ trình, tại điểm 2 Phần II (Mục đích, quan điểm chỉ đạo xây dựng dự thảo Nghị định) nêu quan điểm chỉ đạo xây dựng dự thảo Nghị định bao gồm góp phần tiếp tục hỗ trợ, giảm bớt khó khăn cho các doanh nghiệp, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh trước tác động tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, điểm 2 Phần IV về các nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định chưa thể hiện được quan điểm chỉ đạo này. Bộ Ngoại giao đề nghị Quý Bộ rà soát, hoàn thiện dự thảo.

Bộ Ngoại giao xin trao đổi để Quý Bộ tham khảo, tổng hợp. / *g***Nơi nhận:**

- Như trên;
- THKT, QTTV;
- Lưu: HC, LPQT. TVT09.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Phạm Quang Hiệu***k/c Tổng 9/3*

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **966** /BTNMT-KHTC

V/v góp ý dự thảo Nghị định về thuế

Hà Nội, ngày **28** tháng **02** năm **2022**

Kính gửi: Bộ Tài chính

TỔNG CỤC THUẾ	
ĐẾN	Số: 7776
	Ngày: 04/03
Chuyển:	(8.08) (26)
Số và ký hiệu HS:	61 (28/02)

Phúc đáp Công văn số 1382/BTC-TCT ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; sau khi nghiên cứu, rà soát, Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất với dự thảo Nghị định do Quý Bộ soạn thảo.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trân trọng kính gửi Quý Bộ để tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính); ✓
- Lưu VT, KHTC.XQ.

KT. BỘ TRƯỞNG**THỦ TRƯỞNG****Trần Quý Kiên**

Kc + Ccy
8/3

SỐ 403 /PTM-PC

V/v góp ý Dự thảo Nghị định sửa đổi quy
định về quản lý thuế và hoá đơn, chứng từ

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính,

Trả lời Công văn số 1382/BTC-TCT ngày 14/02/2022 của Bộ Tài chính về việc đề nghị góp ý Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý thuế và Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hoá đơn, chứng từ (sau đây gọi tắt là Dự thảo), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), trên cơ sở ý kiến của doanh nghiệp, có ý kiến ban đầu như sau:

1. Trách nhiệm nộp thuế thay cho người bán của sàn thương mại điện tử

Điều 1.2 Dự thảo quy định các sàn thương mại điện tử (sàn TMĐT) có chức năng đặt hàng trực tuyến có trách nhiệm kê khai, nộp thuế thay cho người bán là cá nhân trên sàn. Quy định này cần được xem xét ở một số nội dung sau:

Chai
8/4
Thứ nhất, quy định này yêu cầu các sàn TMĐT thực hiện khấu trừ thuế từ thu nhập kinh doanh của người bán là cá nhân trên sàn. Tuy nhiên, việc này dường như chưa phù hợp với quy định pháp luật về thuế thu nhập cá nhân, vốn quy định trách nhiệm kê khai, nộp thuế của thu nhập từ kinh doanh thuộc về cá nhân kinh doanh. Cụ thể, Điều 24 Luật Thuế thu nhập cá nhân chỉ quy định hai chủ thể có trách nhiệm thực hiện việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế thu nhập cá nhân, gồm: (i) tổ chức, cá nhân trả thu nhập; (ii) cá nhân có thu nhập chịu thuế. Điều 29 Nghị định 65/2013/NĐ-CP quy định người nộp thuế trực tiếp khai thuế, nộp thuế với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân cư trú với cơ quan Thuế. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ tính thống nhất của quy định này với hệ thống pháp luật hiện tại.

Thứ hai, quy định yêu cầu các sàn TMĐT có trách nhiệm đại diện cho người bán kê khai, nộp thuế thay. Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ các nội dung sau:

- Căn cứ phát sinh trách nhiệm đại diện: Không rõ trách nhiệm đại diện được phát sinh theo căn cứ nào, có cần trình tự, thủ tục nào hay không? Lý do là vì Điều 135 Bộ luật Dân sự 2015 chỉ quy định 2 trường hợp căn cứ xác lập quyền đại diện, gồm: (i) đại diện theo pháp luật (gồm đại diện của cá nhân trong 1 số trường hợp đặc biệt; đại diện của pháp nhân); (ii) đại diện theo uỷ quyền;

k/c + t/c -
18/4

- Phạm vi trách nhiệm đại diện: Không rõ phạm vi đại diện trong việc kê khai, nộp thuế thay của sàn TMĐT bao gồm những trách nhiệm nào, có bao gồm quyết toán, hoàn thuế hay không?

Thứ ba, quy định này có nguy cơ tạo ra nhiều phương pháp thu thuế trùng lặp nhau. Trên thực tế, hiện nay có nhiều hộ, cá nhân kinh doanh vừa kinh doanh tại chỗ (offline) vừa kinh doanh online trên nền tảng thương mại điện tử, chẳng hạn như các cửa hàng ăn uống, cà phê hoặc kinh doanh lưu trú... Khi kinh doanh trên thương mại điện tử, cá nhân kinh doanh sẽ phải nộp riêng thuế cho phần doanh thu này (do sàn TMĐT khấu trừ). Tuy nhiên, đồng thời, cá nhân kinh doanh đã phải nộp thuế theo phương pháp khoán. Việc xác định thuế khoán (khi thực hiện ấn định thuế) sẽ thực hiện thông qua việc khảo sát của cơ quan thuế, chẳng hạn như số lượng khách trong một ngày của quán, số lượng nhân viên... Việc tách riêng phần doanh thu từ kinh doanh online với phần doanh thu từ kinh doanh offline sẽ trở nên khó khăn do việc kinh doanh được thực hiện tại cùng một địa điểm. Liệu có xảy ra vấn đề liệu có xuất hiện chồng lấn khi thu thuế hình thức kinh doanh này hay không? Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc, làm rõ phạm vi, cách thức thực hiện của các phương pháp trên.

Thứ tư, quy định này có thể tạo ra các ảnh hưởng bất cân xứng lên các chủ thể liên quan trong hoạt động thương mại điện tử, chẳng hạn:

- Sàn TMĐT và mạng xã hội: Quy định này dự kiến sẽ gây nên gánh nặng tuân thủ lên sàn TMĐT trong việc nộp thuế cho người bán trên nền tảng của mình. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, các mạng xã hội dự kiến sẽ không thuộc đối tượng thực hiện nghĩa vụ. Cần lưu ý rằng thương mại điện tử qua mạng xã hội cũng tương đối phát triển. Theo Báo cáo Sách trắng Thương mại điện tử Việt Nam 2020 của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, khoảng 57% người được khảo sát cho biết họ có thực hiện mua sắm qua diễn đàn, mạng xã hội, tương đương tỷ lệ mua sắm trên sàn giao dịch TMĐT.
- Sàn TMĐT trong nước và sàn TMĐT cung cấp dịch vụ xuyên biên giới: Không rõ quy định này có áp dụng không và áp dụng như thế nào với các sàn TMĐT cung cấp dịch vụ xuyên biên giới? Nếu quy định này chỉ áp dụng được với các sàn TMĐT trong nước, đây có thể là một rào cản “bảo hộ ngược”, gây bất bình đẳng cho doanh nghiệp nội địa;

Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, đánh giá các tác động, ảnh hưởng của quy định này lên các nhóm đối tượng liên quan và ảnh hưởng lên cạnh tranh trong ngành thương mại điện tử.

2. Trách nhiệm cung cấp thông tin của sàn thương mại điện tử

Điều 1.7 Dự thảo (bổ sung Điều 27.8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP) quy định sàn TMĐT có trách nhiệm cung cấp thông tin của người bán trên sàn. Tuy nhiên, quy định này cần được cân nhắc ở một số điểm như sau:

Thứ nhất, một trong các thông tin sàn TMĐT cần cung cấp là mã số thuế. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp quan ngại rằng liệu họ có phải chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp cho cơ quan thuế hay không. Lý do là Điều 37.1 Nghị định 52/2013/NĐ-CP có yêu cầu người bán cung cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin này. Cùng với đó, Điều 36.3 Nghị định 52/2013/NĐ-CP chỉ quy định trách nhiệm của các sàn TMĐT yêu cầu người bán cung cấp thông tin. Trong tình huống như vậy, các sàn TMĐT khó có thể đảm bảo tính chính xác của toàn bộ dữ liệu về mã số thuế đã thu thập. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định làm rõ nội dung này.

Thứ hai, một thông tin khác mà sàn TMĐT cần cung cấp là doanh thu bán hàng thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến. Doanh thu bán hàng có thể được căn cứ theo định nghĩa tại Điều 10.1 Thông tư 40/2021/TT-BTC.¹ Tuy nhiên, theo phản ánh của doanh nghiệp, định nghĩa về doanh thu như vậy quá phức tạp và gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tổng hợp thông tin, đặc biệt doanh thu liên quan đến các chương trình khuyến mại, hỗ trợ được thực hiện cùng lúc từ nhiều phía (từ người bán, từ sàn TMĐT, hoặc chương trình kết hợp giữa hai bên, vốn được thực hiện rất thường xuyên để thu hút người dùng). Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc, điều chỉnh lại quy định này, theo hướng đơn giản hoá cách tính doanh thu của người bán trên sàn.

Thứ ba, Dự thảo chưa có các quy định về bảo mật thông tin được cung cấp. Việc lộ, lọt thông tin sẽ gây tổn thất lớn với các sàn, đặc biệt nếu trường hợp các đối thủ khác có thể nắm được các dữ liệu này. Trong đó, việc xác định nguồn rò rỉ dữ liệu là công đoạn rất quan trọng để xác định yếu tố lỗi trong vụ việc lộ, lọt thông tin. Vấn đề này đã được trình bày tại Công văn 1904/PTM-PC ngày 12/11/2021 của VCCI. Do vậy, đề nghị

¹ Doanh thu tính thuế GTGT và doanh thu tính thuế TNCN đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ tính thuế từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền; các khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội, phí thu thêm được hưởng theo quy định; các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác (chỉ tính vào doanh thu tính thuế TNCN); doanh thu khác mà hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung cơ chế xác định lỗi khi phát hiện trường hợp lộ, lọt dữ liệu.

3. Tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Điều 1.3 Dự thảo đã sửa đổi quy định tại Điều 8.6.b Nghị định 126/2020/NĐ-CP về tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp khi thực hiện. Theo đó, quy định này sẽ cho phép doanh nghiệp được tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của 4 quý không thấp hơn 80% số thuế phải nộp theo quyết toán năm.

Tuy nhiên, đoạn 4 Điều 8.6.b (sửa đổi) quy định thời gian tính tiền chậm nộp còn chưa phù hợp với Luật Quản lý thuế. Cụ thể, thời gian tính tiền chậm nộp theo Dự thảo được tính từ ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp quý 04 đến **ngày nộp số thuế** còn thiếu vào ngân sách nhà nước. Trong khi đó, Điều 59.2.b Luật Quản lý thuế quy định thời gian tính tiền chậm nộp được tính từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp đến **ngày liền kề trước** ngày số tiền nợ thuế chuyển vào ngân sách nhà nước. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh lại quy định này cho phù hợp.

4. kê khai, nộp thuế thay với hoạt động khai thác tài sản đảm bảo của tổ chức tín dụng

Điều 7.5.b Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định trách nhiệm kê khai, nộp thuế thay với hoạt động khai thác tài sản đảm bảo của tổ chức tín dụng hoặc tổ chức được tổ chức tín dụng ủy quyền khai thác tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, theo phản ánh của doanh nghiệp, quy định như vậy chưa rõ ràng và gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện. Cụ thể, nhiều doanh nghiệp có tài sản bảo đảm tại tổ chức tín dụng thực hiện kê khai, tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu trừ (-) chi phí. Việc kê khai, nộp thuế thay trong trường hợp này phát sinh vấn đề như sau:

- Với các tổ chức tín dụng: Tổ chức tín dụng không thể xác định được khoảng chi phí liên quan đến tài sản bảo đảm để tính toán mức thu nhập chịu thuế theo công thức doanh thu trừ chi phí;
- Với doanh nghiệp có tài sản bảo đảm: doanh nghiệp thực hiện kê khai và tính toán với khoản chi phí được trừ liên quan đến tài sản đảm bảo như thế nào và có được tính vào chi phí được trừ hay không;

Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định hướng dẫn, làm rõ quy định này.

5. Điều chỉnh hoá đơn trong trường hợp đặc thù

Nghị định 123/2020/NĐ-CP hiện chỉ có quy định về điều chỉnh hoá đơn trong trường hợp có sai sót (Điều 19, 20). Theo phản ánh của các doanh nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng, thực tế còn có một số trường hợp đặc thù cần điều chỉnh hoá đơn, chẳng hạn hoàn phí dịch vụ khi đạt được một số tiêu chí nhất định. Trong trường hợp này, doanh nghiệp phải hạch toán giảm doanh thu đối với phần phí giảm cho khách hàng và xuất hoá đơn tương ứng để phản ánh việc giảm thu nhập của ngân hàng và giảm chi phí của khách hàng. Tuy nhiên, Nghị định chưa có quy định xử lý vấn đề này. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc bổ sung quy định xử lý trường hợp này.

Trên đây là một số ý kiến ban đầu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về *Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý thuế và Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hoá đơn, chứng từ*. Rất mong cơ quan soạn thảo cân nhắc để chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo này.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường trực (để báo cáo);
- Lưu VT, PC.

**TL. CHỦ TỊCH
TRƯỞNG BAN PHÁP CHẾ**



Đậu Anh Tuấn

Số: **0441** /PTM-PC
V/v góp ý Dự thảo Nghị định sửa đổi
Nghị định số 15/2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính

Ngày 01/4/2022, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) nhận được Công văn số 2927/BTC-TCT của Quý Cơ quan về việc góp ý **Dự thảo Nghị định sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội** (sau đây gọi tắt là Dự thảo).

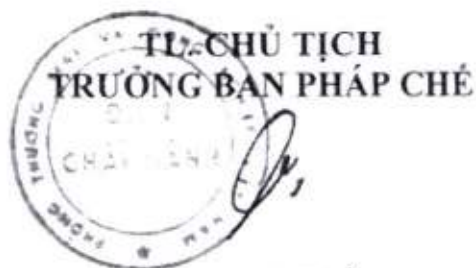
VCCI đã tiến hành triển khai lấy ý kiến rộng rãi tới các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp là đối tượng chịu sự tác động của Dự thảo này bằng phương thức gửi công văn xin ý kiến và đăng tải công khai trên trang web www.vibonline.com.vn của VCCI.

Tuy nhiên, đến nay VCCI chưa nhận được ý kiến nào liên quan đến Dự thảo. Vậy, VCCI thông báo để Quý Cơ quan được biết và sẽ chuyển tới Quý Cơ quan các góp ý được gửi tới sau này (nếu có).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thường trực (để b/c);
- Lưu: VT, PC.



Đậu Anh Tuấn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1246 /BTTTT-KHTC

V/v ý kiến tham gia dự thảo Nghị định sửa
đổi Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Thông tin và Truyền thông nhận được Công văn số 2927/BTC-HCSN ngày 30/3/2022 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.

Sau khi nghiên cứu Bộ Thông tin và Truyền thông thống nhất với nội dung sửa đổi tại dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Phạm Anh Tuấn;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Anh Tuấn